TÒA ÁN NHÂN DÂN TP HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1787/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30/11/2018.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Phan Thị Minh Nguyệt.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Bùi Quang Việt.

2/ Bà Hàn Hòa Thuận.

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Trần Thị Hiển – Thư ký Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Duy Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 441/2016/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2016 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5112/2018/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Bành Thị Kim T, sinh năm 1984;
Địa chỉ: 49/6 HT, Phường A, Quận B, TP Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Nguyen, Phuong V (Nguyễn Văn Ph), sinh năm 1978.
Quốc tịch: C.
Địa chỉ: 7851 Barrington Trl Joneboro GA 30236, C

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 04/10/2016, bản tự khai ngày 05/01/2017 của nguyên đơn Bà Bành Thị Kim T trình bày: Bà và ông Nguyen, Phuong V (Nguyễn Văn Ph) tự nguyện kết hôn theo giấy đăng ký kết hôn số 341, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh cấp ngày 25/01/2008. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng sống chung được ba tuần tại VN thì ông Nguyen, Phuong V (Nguyễn Văn Ph) trở về C sinh sống và làm việc. Thời gian đầu, hai vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại, thư từ, sau đó liên lạc thưa dần và từ đầu năm 2009 cho đến nay thì không còn liên lạc với nhau. Nay nhận thấy

tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn gửi Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh đề nghị ly hôn với ông Nguyen, Phuong V (Nguyễn Văn Ph) để có điều kiện ổn định cuộc sống.

Con chung: Bà Bành Thị Kim T khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Bành Thị Kim T khai không có.

Ngày 04 tháng 8 năm 2017, Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh đã có công văn số 303/UTTPDS- TA30 về thực hiện thủ tục ủy thác tư pháp gửi Bộ Tư pháp yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của C thông báo việc thụ lý vụ án, tiến hành lấy lời khai và thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải lần thứ nhất vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 12 tháng 4 năm 2018, lần thứ hai vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 11 tháng 5 năm 2018 và xét xử công khai vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 11 tháng 6 năm 2018, lần thứ hai vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 11 tháng 7 năm 2018 đối với ông Nguyen, Phuong V (Nguyễn Văn Ph) .

Ngày 07/3/2018, Bộ Tư pháp đã có công văn số 654/BTP-PLQT về kết quả thực hiện ủy thác tư pháp. Theo đó, Cơ quan có thẩm quyền của C không thực hiện được ủy thác tư pháp nêu trên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2018, Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh có thông báo số 486/TA-TB về việc thông báo thời gian mở phiện họp hòa giải vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 30 tháng 10 năm 2018, thời gian mở phiên tòa vào lúc 8 giờ 00 phút ngày 30 tháng 11 năm 2018 đối với ông Nguyen, Phuong V (Nguyễn Văn Ph).

Ngày 24/7/2018, Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh có công văn số 486/TAND-CV gửi Đại sứ quán VN tại C đề nghị niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan và đăng tải bản dịch của Thông báo số 486/TA-TB ngày 24 tháng 7 năm 2018 kèm theo công văn trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán VN tại C.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Ngày 01/11/2018, nguyên đơn Bà Bành Thị Kim T có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng giải quyết vụ án, hòa giải và xét xử vì lý do bận công tác xa.

Bị đơn ông Nguyen, Phuong V (Nguyễn Văn Ph) đã được Tòa án nhân TP Hồ Chí Minh tiến hành ủy thác tư pháp và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Đại sứ quán VN tại C để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông Nguyen, Phuong V (Nguyễn Văn Ph) không có văn bản trả lời và vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán chủ tọa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về "Nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên trong hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa; Phạm vi xét xử sơ thẩm" tại phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Bành Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyen, Phuong V (Nguyễn Văn Ph).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thuộc tranh chấp về ly hôn, bị đơn ông Nguyen, Phuong V (Nguyễn Văn Ph) có quốc tịch C, đang cư trú hợp pháp tại C thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về vắng mặt đương sự: Xét Bà Bành Thị Kim T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Ông Nguyen, Phuong V (Nguyễn Văn Ph) đã được Tòa án nhân TP Hồ Chí Minh đăng tin trên Cổng thông tin điện tử thông báo thời gian xét xử nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông Nguyen, Phuong V (Nguyễn Văn Ph) theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của Bà Bành Thị Kim T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 341, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh cấp ngày 25/01/2008 có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà Bành Thị Kim T và ông Nguyen, Phuong V (Nguyễn Văn Ph) là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, bà T khai rằng hai vợ chồng sống chung được ba tuần tại VN thì ông Nguyen, Phuong V (Nguyễn Văn Ph) trở về C sinh sống và làm việc. Thời gian đầu, hai vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại, thư từ, sau đó liên lạc thưa dần và từ đầu năm 2009 cho đến nay thì không còn liên lạc với nhau. Xét thấy vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau san sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; nghĩa vụ sống cùng với nhau trong khi hai vợ chồng Bà Bành Thị

Kim T và ông Nguyen, Phuong V (Nguyễn Văn Ph) mỗi người một nơi, tình cảm vợ chồng càng không có điều kiện vun đắp nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Nguyen, Phuong V (Nguyễn Văn Ph) là có cơ sở để chấp nhận.

Con chung: Bà Bành Thị Kim T khai không có.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Bành Thị Kim T khai không có.

[3] Án phí, chi phí tố tụng khác:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm Bà Bành Thị Kim T phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016;

Chi phí tố tụng khác:

Bà Bành Thị Kim T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Bà T đã nộp đủ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38, Khoản 4 Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Điều 464; điểm d Khoản 1, Khoản 2 Điều 469, điểm c Khoản 6 Điều 477, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 53, Điều 54, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 và Điều 127 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 27/02/2009;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Bành Thị Kim T.

Quan hệ hôn nhân: Bà Bành Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyen, Phuong V (Nguyễn Văn Ph) .

Giấy chứng nhận kết hôn số 341, quyển số 02 do Ủy ban nhân dân TP Hồ Chí Minh cấp ngày 25/01/2008 cho Bà Bành Thị Kim T và ông Nguyen, Phuong V (Nguyễn Văn Ph) không còn giá trị pháp lý.

Con chung: Không có.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

2/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Bà Bành Thị Kim T phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0031378 ngày 17/10/2016 của Cục Thi hành án dân sự TP Hồ Chí Minh.

Về chi phí tố tụng khác: Bà Bành Thị Kim T phải chịu chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài. Bà T đã nộp đủ.

3/ Án xử sơ thẩm, thời hạn kháng cáo là 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày Bà Bành Thị Kim T nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đối với ông Nguyen, Phuong V (Nguyễn Văn Ph) thời hạn kháng cáo bản án là 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát Cấp cao tại TP. HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP. HCM;
- Ủy ban nhân dân TP. HCM;
- Đương sự;
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Phan Thị Minh Nguyệt